**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

----- * -----

# BÁO CÁO

## RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn**

**Hà Nội, 2024**

| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

# BÁO CÁO

**Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn với những nội dung cơ bản như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC RÀ SOÁT

### 1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Nghị định để xem xét tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo nội dung dự thảo Nghị định quy định đầy đủ các vấn đề được giao.

- Yêu cầu rà soát phải tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bám sát mục đích, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định.

### 2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Về phạm vi rà soát: Rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Nội dung, đối tượng rà soát: Đối chiếu các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; rà soát các quy định tại dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật hiện hành để xác định các nội dung đã được quy định và tiếp tục thực hiện; các

nội dung đã được quy định nhưng cần sửa đổi, bổ sung; các nội dung chưa được quy định và cần được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định dựa trên trình độ phát triển kinh tế - xã hội để xác định thứ tự ưu tiên và đề xuất xử lý.

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

**1. Kết quả chung**

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án, dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có 45 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo nghị định bao gồm các văn bản sau:

***1.1. Danh mục các dự án luật được rà soát***

1. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (2006)

2. Luật Đo lường (2011);

3. Luật Khoa học và Công nghệ (2013);

4. Luật Việc làm (2013);

5. Luật Hải quan (2014)

6. Luật Thương mại (2015)

7. Luật Ngân sách nhà nước (2015)

8. Luật Tổ chức Chính phủ (2015);

9. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2015);

10. Luật phí và lệ phí (2015);

11. Luật Quản lý ngoại thương năm (2017)

12. Luật Lâm nghiệp (2017);

13. Luật Chăn nuôi (2018);

14. Luật Đa dạng Sinh học (2018);

15. Luật Trồng trọt (2018);

16. Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số (2018)

17. Luật chứng khoán (năm 2019)

18. Luật Bảo vệ môi trường năm (2020)

19. Luật Doanh nghiệp (2020);

20. Luật Tài nguyên Nước (2023);

***1.2. Danh mục các nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ***

1. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

2. Nghị định 31/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

3. Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

4. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

5. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất

6. Nghị định 140/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

7. Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

8. Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

9. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

10. Nghị định 123/2016/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền

11. Nghị định số 96/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

12. Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

13. Nghị định 105/2022/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

14. Nghị định số 52/2022 ngày 08/8/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

15. Nghị định số 14/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

16. Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

17. Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 7/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập;

18. Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Nghị định số 107/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp

***1.3. Danh mục các thông tư***

1. Thông tư số 92/1998/TTLT-TCKTTV-BNNPTNT ngày 19 tháng 02 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý nhập khẩu và kiểm soát sử dụng chất Methyl bromide.

2. Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

3. Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính : Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

4. Thông tư 51/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011.

5. Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16/3/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011.

6. Thông tư 16/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

7. Thông tư 31/2018/TT-BLĐTBXH hướng dẫn hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

**2. Kết quả rà soát cụ thể**

Qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Nghị định với 03 nhóm vấn đề: (1) Các quy định về giảm nhẹ phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính tại dự thảo Nghị định; (2) Các quy định về tổ chức thị trường các-bon, quản lý tín chỉ các-bon trong nước; (3) Các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn, cho thấy, các quy định tại dự thảo Nghị định cơ bản phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan *(Kết quả cụ thể xin xem phụ lục kèm theo)*.

**III. KẾT LUẬN**

Kết quả rà soát trên cơ sở đối chiếu, so sánh giữa quy định của dự thảo Nghị định với các quy định có liên quan trong hệ thống pháp luật nhằm xác định các chính sách đã có quy định điều chỉnh, chính sách chưa có quy định điều chỉnh cho thấy dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ các vấn đề liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, không tạo ra mâu thuẫn, trong chéo hoặc khoảng trống trong hệ thống pháp luật.

Trên đây là Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**PHỤ LỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 06/2022/NĐ-CP NGÀY 07/01/2022 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN**

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| **(1) Các quy định về giảm nhẹ phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính** | 1. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 7 như sau:<br>"b) Giai đoạn từ năm 2025 đến hết năm 2030, các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ; các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Điều 13 Nghị định này phù hợp với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực."<br><br>2. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 3 Điều 8 như sau:<br>"b) Thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái và theo từng tỉnh, thành phố, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này;<br>c) Theo dõi, đánh giá, lập báo cáo tình hình thực | - Khoản 2, 4, 5, 6 Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường quy định:<br>*"2. Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm:*<br>*a) Tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính theo lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế;*<br>*b) Kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở có liên quan;*<br>*c) Kiểm tra việc tuân thủ quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;*<br>*4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:*<br>*a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà* | - Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP: dự thảo quy định này, đảm bảo phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được thực hiện theo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC được cập nhật định kỳ theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu) và phù hợp với lộ trình đã được quy định tại khoản 3 Điều 7 và Điều 13 Nghị định. Quy định này quy định đầy đủ các nội dung được giao theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và không tạo ra sự mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật.<br>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 6 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 10, cơ bản |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối, chất lượng và mức hấp thụ khí nhà kính từ rừng theo từng tỉnh, thành phố, trên phạm vi cả nước hằng năm.” | *kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;*<br>*b) Định kỳ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia 02 năm một lần;*<br>*c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực, cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.*<br>*5. Bộ quản lý lĩnh vực thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm sau đây:*<br>*a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của kỳ báo cáo tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*<br>*b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp;*<br>*c) Hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực;*<br>*d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện giảm* | bảo đảm thực hiện tốt nội dung mà Luật Bảo vệ môi trường giao Chính phủ quy định chi tiết, chưa được quy định chi tại các văn bản hiện hành, việc sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong chính dự thảo Nghị định về thẩm quyền thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. |
| | 3. Sửa đổi khoản 6 Điều 9 như sau:<br>“6. Cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và các tổ chức liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cung cấp bổ sung thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.” | | |
| | 4. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 10 như sau:<br>“a) Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở do cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thông qua việc rà soát nội dung báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính dựa trên kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở;” | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong phạm vi quản lý đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 của kỳ báo cáo tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*<br>*đ) Hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý.*<br>*6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý.”.*<br>- Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định: *“Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cho giai đoạn đến hết năm 2030, phân kỳ thực hiện đến năm 2025; thực hiện các biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định.”* | |
| | 5. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 11 như sau: | - Khoản 4, 5, 6, 7 Điều 91 Luật Bảo vệ môi | - Sửa đổi, bổ sung quy định tại |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | "e) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần của cơ sở phải bao gồm kết quả kiểm kê khí nhà kính của hai năm gần nhất."<br>6. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 11 như sau:<br>"c) Phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực phổ biến phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở phù hợp với hướng dẫn của Nghị định thư Khí nhà kính;"<br>7. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 11 như sau:<br>"b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý cho năm 2022, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở trước ngày 01 tháng 12 năm 2023; hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý;"<br>8. Bổ sung điểm b1 khoản 4 Điều 11 như sau:<br>"b1) Đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, việc kiểm kê khí nhà kính, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần thực hiện cho năm 2025 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và được thẩm định bởi đơn vị thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này. Cơ sở quy định tại điểm này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản này;"<br>9. Sửa đổi khoản 6 Điều 11 như sau:<br>"6. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải | trường quy định:<br>*4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:*<br>*a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;*<br>*b) Định kỳ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia 02 năm một lần;*<br>*c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực, cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.*<br>*5. Bộ quản lý lĩnh vực thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm sau đây:*<br>*a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của kỳ báo cáo tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*<br>*b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng* | Điều 11 của nghị định về kiểm kê khí nhà kính, dự thảo sửa đổi đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan về trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (khoản 14 Điều 2 Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và các cam kết quốc tế thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; đảm bảo quy định chi tiết, đầy đủ các vấn đề Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 91 và để thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên, đồng thời không tạo ra sự mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật. |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | khí nhà kính do cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện<br>a) Cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm có: 01 đơn đề nghị thẩm định; 01 báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính; 01 kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;<br>b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo gửi cơ sở để bổ sung, hoàn thiện;<br>c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hình thức hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến cơ quan có liên quan;<br>d) Các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đánh giá kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở trên cơ sở sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính; sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính, | *đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp;*<br>*c) Hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực;*<br>*d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong phạm vi quản lý đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 của kỳ báo cáo tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*<br>*đ) Hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý.*<br>*6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý.*<br>*7. Cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm sau đây:*<br>*a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở; đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở; mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030; các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở; phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;<br>đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp kết quả thẩm định có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi cơ sở để hoàn thiện. Trường hợp kết quả thẩm định trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>e) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân | *phát thải khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*<br>*b) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm; thực hiện lồng ghép hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với chương trình quản lý chất lượng, chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường của cơ sở;*<br>*c) Hằng năm, lập báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính để thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo.”.*<br>- Khoản 14 Điều 2 Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: *“Về biến đổi khí hậu:*<br>*a) Đề xuất và thể chế hóa các cơ chế, chính sách, sáng kiến quốc tế về biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh phù hợp với điều kiện và bảo đảm lợi ích quốc gia; đề xuất, kiến nghị việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các cơ* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực rà soát báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của văn bản thông báo kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở và nêu rõ lý do.”<br>10. Bổ sung khoản 6a Điều 11 như sau:<br>“6a. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính do đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này thực hiện theo quy trình thẩm định do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.” | *chế, chính sách, tiêu chuẩn công nghệ có liên quan tới biến đổi khí hậu của Việt Nam phù hợp với tình hình quốc tế;*<br>*b) Tổ chức đánh giá khí hậu quốc gia; xây dựng, cập nhật, công bố kịch bản biến đổi khí hậu và tổ chức thực hiện; hướng dẫn, giám sát đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; hướng dẫn lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch;*<br>*c) Tổ chức thực hiện giám sát phát thải khí nhà kính, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu;*<br>*d) Xây dựng, cập nhật, tổ chức triển khai, quản lý và giám sát việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định; xây dựng các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tổ chức thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính, kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu;*<br>*đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *trường các-bon thế giới; quản lý, tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; tổ chức đánh giá, quyết định chấp thuận chương trình, dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;*<br>*e) Chủ trì tổ chức đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế và tham gia tổ chức quốc tế về biến đổi khí hậu; huy động các nguồn lực quốc tế, tổ chức điều phối và thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền;*<br>*g) Xây dựng tiêu chí ưu tiên, tổ chức rà soát, xác định danh mục dự án ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu; có ý kiến về các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến biến đổi khí hậu của các bộ, ngành, địa phương;*<br>*h) Là đầu mối tổ chức thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; cơ quan đầu mối quốc gia về Quỹ thích ứng với biến đổi khí hậu; cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *Kyoto, Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC); cơ quan thẩm quyền quốc gia thực hiện các cơ chế trong khuôn khổ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; cơ quan chuyên trách quốc gia của Mạng lưới và Trung tâm Công nghệ khí hậu; cơ quan đầu mối quốc gia về các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia;*<br>*i) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, tiêu thụ và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;*<br>*k) Giúp Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh do các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.”.*<br>- Điều 21 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:<br>*“6. Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo,* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.*<br>*7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở trung ương phân cấp, ủy quyền."* | |
| | 11. Sửa đổi Điều 12 theo một trong hai phương án như sau:<br>"**<u>Phương án 1:</u>**<br>1. Giai đoạn 2025 - 2026:<br>a) Đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này;<br>b) Bộ Công Thương đề xuất lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2025;<br>c) Bộ Xây dựng đề xuất lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở sản xuất xi măng, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2025;<br>d) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở dự kiến được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Căn cứ tổng hạn | - Nghị định 123/2016/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;<br>- Nghị định số 96/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;<br>- Nghị định số 52/2022 ngày 08/8/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.<br>- Về kinh phí thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước được quy định phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước (việc chi sự nghiệp môi trường thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương (điểm i khoản 3 Điều 36 Luật ngân sách nhà nước năm 2015) và nhiệm | - Sửa đổi quy định tại Điều 12 về Phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, quy định này đảm bảo phù hợp với kinh nghiệm của các quốc gia đã vận hành thị trường các-bon, trong giai đoạn đầu Chính phủ chỉ phân bổ hạn ngạch cho những lĩnh vực phát thải lớn. Ngoài ra, EU đã bắt đầu áp dụng Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) nhằm kiểm soát phát thải khí nhà kính và áp dụng mức thuế các-bon đối với các mặt hàng nhập khẩu vào EU gồm: sắt thép, nhôm, xi măng, điện, hydro, phân bón. Hoa Kỳ cũng có kế hoạch áp dụng cơ chế CBAM đối với 08 mặt hàng có liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, các cơ sở có trách nhiệm nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần. Kết quả kiểm |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.<br>2. Giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030:<br>a) Các bộ quản lý lĩnh vực đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch căn cứ cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng cơ sở, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30 tháng 6 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030;<br>b) Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng cập nhật danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch và lượng hạn ngạch phân bổ hằng năm cho từng nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 6 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028; trước ngày 30 tháng 6 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030;<br>c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở dự kiến được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030. Căn cứ | vụ chi của ngân sách địa phương (điểm h khoản 2 Điều 38 Luật ngân sách nhà nước năm 2015), Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 61/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (khoản 1 và khoản 2 Điều 4). | kê khí nhà kính là cơ sở để vận hành thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Vì vậy, thời điểm phân bổ hạn ngạch cần theo lộ trình phù hợp với thời điểm các cơ sở nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính. Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12 theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý lĩnh vực tổng hợp, đề xuất danh mục cơ sở và lượng hạn ngạch được phân bổ hằng năm cho từng cơ sở gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lượng hạn ngạch dự trữ. Căn cứ tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và các nghị định quy định chức chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở trước ngày 31 tháng 10 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028 và trước ngày 31 tháng 10 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030.<br>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở đã giải thể hoặc phá sản và thực hiện hủy bỏ trên Hệ thống đăng ký quốc gia; điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở khi các cơ sở chia, tách, hợp nhất, hoặc sáp nhập.<br>4. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ trình quy định tại Điều 17 Nghị định này.<br>35. Chi phí thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.<br>**<u>Phương án 2:</u>**<br>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành đánh giá tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính (sau đây gọi tắt là Hội đồng liên ngành).<br>Hội đồng liên ngành có ít nhất 11 thành viên. Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó | | cấu của các bộ. |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | Chủ tịch thường trực là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; ủy viên Hội đồng là lãnh đạo các Bộ quản lý lĩnh vực quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này; đại diện một số Bộ, ngành liên quan và chuyên gia trong các lĩnh vực hoạt động của cơ sở được phân bổ hạn ngạch trong trường hợp cần thiết.<br>Cơ quan thường trực của Hội đồng liên ngành là Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng liên ngành.<br>2. Giai đoạn và đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính<br>a) Giai đoạn 2025 - 2026, đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính là các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắt thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.<br>b) Trong giai đoạn 2027 - 2028 và giai đoạn 2029 - 2030, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên cơ sở đánh giá hoạt động phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giai đoạn 2025 - 2026 của Hội đồng liên ngành.<br>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xác định tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và hạn ngạch | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | phát thải khí nhà kính phân bổ cho các cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này trình Hội đồng liên ngành xem xét, đánh giá.<br>4. Căn cứ kết luận đánh giá của Hội đồng liên ngành, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính kèm theo danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho giai đoạn 2025-2026, trước ngày 31 tháng 10 năm 2027 cho giai đoạn 2027 - 2028 và trước ngày 31 tháng 10 năm 2029 cho giai đoạn 2029 - 2030.<br>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở đã giải thể hoặc phá sản và thực hiện hủy bỏ trên Hệ thống đăng ký quốc gia; điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các cơ sở khi các cơ sở chia, tách, hợp nhất, hoặc sáp nhập.<br>6. Cơ sở được phân bổ hạn ngạch được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ trình quy định tại Điều 17 Nghị định này.7. Chi phí thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.” | | |
| | 12. Sửa đổi Điều 14 như sau: | - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và | - Sửa đổi Điều 14 về đơn vị thẩm |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | "Đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064-3, có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065." | Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ như:<br>"Điều 8 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ<br>1. Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho tổ chức khoa học và công nghệ do các cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 12 của Luật khoa học và công nghệ và do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài và tổ chức khoa học và công nghệ là cơ sở giáo dục đại học.<br>2. Sở Khoa học và Công nghệ nơi tổ chức khoa học và công nghệ đặt trụ sở chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho tổ chức khoa học và công nghệ không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.<br>3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thì có thẩm quyền cấp thay đổi, bổ sung | định và yêu cầu đối với đơn vị thẩm định theo hướng bổ sung: i) Quy định chi tiết điều kiện, quy trình thực hiện để công bố đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê KNK và kết quả giảm nhẹ phát thải KNK; ii) Bổ sung điều kiện đối với đơn vị thẩm định, cụ thể: "…hoặc tổ chức có kỹ thuật viên được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực tương ứng và được cấp chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14064-3 về quy định kỹ thuật và hướng dẫn đối với thẩm định, kiểm định của các xác nhận khí nhà kính". Đây là quy định mới, chưa được quy định trong các văn bản hiện hành, tuy nhiên, có một số nội dung liên quan đã được quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã cấp.”<br>- Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.<br>- Khoản 11 điều 3 Luật đầu tư quy định: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư. | học và công nghệ như: quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Luật Doanh nghiệp như: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Luật Đầu tư với giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;… cơ bản có cơ sở và đảm bảo thống nhất, không gây chồng chéo, mâu thuẫn; phù hợp với quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. |
| ***Các quy định về tổ chức thị trường các-bon, quản lý tín chỉ các-bon trong nước*** | 13. Sửa đổi Điều 16 như sau:<br>“**Điều 16. Đối tượng tham gia trao đổi trên thị trường các-bon trong nước**<br>1. Đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.<br>2. Đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài có tư cách pháp nhân tại Việt Nam | - Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon như sau:<br>“1. Thị trường các-bon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.<br>2. Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực | Việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước được quy định tại Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong đó Tại Mục II Chương 2 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định về tổ chức và phát triển thị trường cac-bon trong nước (từ Điều 16 đến Điều 21), đây là các quy định mới nhằm tổ chức và phát triển thị trường các-bon để quy định cụ thể |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | 14. Sửa đổi Điều 17 như sau:<br>1. Giai đoạn đến hết năm 2026a) Thiết lập Hệ thống đăng ký quốc gia;<br>b) Xây dựng Sàn giao dịch các-bon;<br>c) Thí điểm thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong nước;<br>d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.<br>2. Giai đoạn từ năm 2027<br>a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch các-bon;<br>b) Triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong nước;<br>c) Phát triển cơ chế tạo lập thị trường;<br>d) Thiết lập cơ chế đấu giá hạn ngạch;<br>đ) Hoàn thiện quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. | hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc danh mục quy định tại khoản 3 Điều 91 của Luật này được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước.<br>3. Căn cứ xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính bao gồm:<br>a) Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và chiến lược, quy hoạch phát triển khác có liên quan;<br>b) Kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực và cơ sở thuộc danh mục quy định tại khoản 3 Điều 91 của Luật này;<br>c) Lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế.<br>4. Cơ sở phát thải khí nhà kính chỉ được phát thải khí nhà kính trong hạn ngạch đã được phân bổ; trường hợp có nhu cầu phát thải vượt hạn ngạch được phân bổ thì mua hạn ngạch của đối tượng khác thông qua thị trường các-bon trong nước.<br>5. Cơ sở phát thải khí nhà kính thực hiện giảm phát thải khí nhà kính hoặc không sử dụng hết hạn ngạch phát thải được phân bổ thì được bán lại cho đối tượng khác có nhu cầu thông qua thị trường các-bon trong nước.<br>6. Cơ sở phát thải khí nhà kính tham gia các | Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường và chưa được quy định ở các văn bản khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam, không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn cơ chế, chính sách, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định, cơ bản các quy định được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:<br>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 16 về đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước: Trên cơ sở rà soát, học tập kinh nghiệm của quốc tế cho thấy các quốc gia khác nhau có quy định khác nhau nhau về các đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch tùy theo mục đích quản lý như: không hạn chế đối tượng tham gia trao đổi (Liên minh Châu Âu); chỉ cho phép các cơ sở được phân bổ hạn ngạch và một số ít các cơ quan, tổ chức thiết |
| | 15. Sửa đổi Điều 18 như sau:<br>"**Điều 18. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch trên thị trường các-bon trong nước**<br>1. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được phép giao dịch bao gồm:<br>a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này. 01 (một) đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính thể hiện quyền phát thải bằng 01 (một) tấn CO2 hoặc 01 (một) | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | tấn CO2 tương đương;<br>b) Tín chỉ các-bon được cấp cho kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 của chương trình, dự án thuộc các cơ chế quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này.<br>2. Trình tự, thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon<br>a) Tổ chức có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nộp đơn theo Mẫu số 01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này tới Bộ Tài nguyên và Môi trường qua tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia;<br>b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác minh thông tin và gửi thông báo xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch cho tổ chức qua Hệ thống đăng ký quốc gia. Trường hợp không xác nhận, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nêu rõ lý do.<br>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy định quản lý và vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia.<br>4. Hệ thống đăng ký quốc gia bao gồm:<br>a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; | cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được phép trao đổi tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước.<br>7. Cơ sở phát thải khí nhà kính tham gia thị trường các-bon trong nước thực hiện trao đổi, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon; thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.<br>8. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo giai đoạn và hằng năm.<br>9. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan thành lập thị trường các-bon trong nước.<br>10. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều này; tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới. | lập thị trường (Hàn Quốc); chỉ giới hạn các cơ cở được phân bổ hạn ngạch (Trung Quốc). Đối với Việt Nam, thị trường trao đổi tín chỉ các-bon đã có nhiều hoạt động giao dịch dưới hình thức thỏa thuận, trong khi thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải KNK đang trong quá trình thiết lập. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước để tăng sự ổn định của thị trường và phù hợp thực tiễn tại Việt Nam và với kinh nghiệm quốc tế.<br>- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 về lộ trình phát triển, triển khai thị trường các-bon trong nước theo hướng chi tiết hóa các hoạt động dự kiến thực hiện trong hai giai đoạn phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại Việt Nam và kinh nghiệm thế giới. Dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung mới các hoạt động xây dựng Hệ thống đăng ký quốc gia, phát triển cơ chế tạo lập thị trường và thiết lập cơ chế đầu giá hạn ngạch; đồng thời lược bỏ một |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | b) Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác thông tin về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;<br>c) Cơ sở dữ liệu và thông tin tình hình giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên lãnh thổ Việt Nam;<br>d) Cơ sở dữ liệu về cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.<br>5. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia<br>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo thông tin tài khoản đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia cho các cơ sở thuộc khoản 1 Điều 16;<br>b) Tổ chức được cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này nộp đơn đăng ký tài khoản tới Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Hệ thống đăng ký quốc gia;<br>c) Sau khi nhận được đơn đăng ký, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp tài khoản và thông báo tới tổ chức trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đăng ký. Trường hợp không cấp tài khoản, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nêu rõ lý do.<br>16. Sửa đổi Điều 19 như sau:<br>1. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính<br>a) Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là việc mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính | 11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này, chi phí phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lộ trình, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.<br>- Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: *“Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm cơ bản số lượng tổng cục, cục, vụ, phòng; không thành lập tổ chức mới, không thành lập phòng trong vụ, trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định. Giảm tối đa các ban quản lý dự án. Kiên quyết hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, giảm biên chế; thực hiện cơ chế khoán kinh phí theo nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra. Chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.”*<br>- Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch chứng khoán Việt | số nội dung không còn phù hợp bao gồm: hoạt động xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon và hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới. Đây là các quy định nhằm chi tiết Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường, chưa xuất hiện và không mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật hiện hành.<br>- Sửa đổi, bổ sung Điều 18, 19 và 20 về hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch trên thị trường các-bon trong nước; trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước và Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Đây là các nội dung mới trong dự thảo Nghị định được bổ sung nhằm tổ chức và phát triển thị trường các-bon, hướng đến mô hình tổ chức thị trường, hình thức |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | giữa các cơ sở được phân bổ hạn ngạch, thực hiện theo hình thức khớp lệnh hoặc theo hình thức thỏa thuận;<br>b) Đối với hình thức khớp lệnh, việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo hướng dẫn giao dịch của Sàn giao dịch các-bon;<br>c) Đối với hình thức thỏa thuận, cơ sở sau khi trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính thực hiện điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính thông qua tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo hướng dẫn của Bộ tài nguyên và Môi trường;<br>đ) Hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính không bao gồm việc thay đổi sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính thông qua chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các cơ sở hoặc các hình thức mua bán khác không được quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.<br>2. Nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính<br>a) Đối với mỗi giai đoạn phân bổ, cơ sở có trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho Nhà nước. Lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả phải tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở trừ đi lượng tín chỉ các-bon đã bù trừ;<br>b) Cơ sở thực hiện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Hệ thống đăng ký quốc gia trước ngày 31 tháng 12 của năm kế tiếp giai đoạn được | Nam.<br>- Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên | khớp lệnh và quy chế giáo dịch theo mô hình tổ chức của Sàn giao dịch chứng khoán. Các nội dung mới bổ sung bao gồm: thành lập Hệ thống đăng ký quốc gia nhằm quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; các quy định đối với hoạt động trao đổi, vay mượn, chuyển giao, nộp trả hạn ngạch, bù trừ tín chỉ các-bon của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch; quy định về phạm vi, đối tượng tham gia các cơ chế bù trừ chỉ các-bon tại Việt Nam, quy định về các thủ tục hành chính phát sinh và trách nhiệm của các bên liên quan. Mặc dù các nội dung được bổ sung mới tương đối nhiều so với Nghị định hiện hành nhưng các quy định này không mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật hiện hành. |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | phân bổ quy định tại Điều 12 Nghị định này;<br>c) Cơ sở có trách nhiệm nộp trả lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở đã được thẩm định;<br>d) Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện hủy bỏ hạn ngạch đã được nộp trả trên Hệ thống đăng ký quốc gia;<br>đ) Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhiều hơn kết quả kiểm kê khí nhà kính trong giai đoạn được phân bổ, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia.<br>e) Cơ sở được phép áp dụng các hình thức mua, vay mượn, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện trách nhiệm nộp trả;<br>g) Sau ngày 31 tháng 12 của năm kế tiếp giai đoạn được phân bổ, cơ sở phải mua tín chỉ các-bon từ rừng bằng với lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu và thực hiện điều chỉnh trên Hệ thống đăng ký quốc gia;<br>h) Ngoài việc mua bổ sung tín chỉ các-bon từ rừng, lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu sẽ bị trừ vào hạn ngạch phân bổ của cơ sở cho giai đoạn kế tiếp. | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | 3. Vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính<br>a) Cơ sở có thể vay mượn lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn tiếp theo của chính cơ sở đó để đảm bảo hoạt động nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn hiện tại;<br>b) Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở được phép vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn tiếp theo của cơ sở đó để sử dụng cho hoạt động nộp trả cho giai đoạn được phân bổ. Số lượng hạn ngạch vay mượn không vượt quá 15% lượng hạn ngạch đã được phân bổ cho giai đoạn được phân bổ và không được sử dụng để trao đổi;<br>c) Cơ sở thực hiện vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ.<br>4. Chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính<br>a) Cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết sau khi hoàn thành nộp trả của giai đoạn hiện tại sang giai đoạn tiếp theo kế tiếp;<br>b) Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở được phép chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ sang giai đoạn được phân bổ tiếp theo;<br>c) Cơ sở thực hiện chuyển giao hạn ngạch phát | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ;<br>d) Sau 30 ngày kể từ thời hạn nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện hủy bỏ số lượng hạn ngạch của các giai đoạn được phân bổ trước đó không được chuyển giao hoặc/và nộp trả của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia.<br>5. Sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính<br>a) Cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này để bù trừ không quá 10% lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ của cơ sở;<br>b) Cơ sở sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình nộp trả.<br>6. Trong mọi trường hợp, cơ sở không được sở hữu thấp hơn 70% hoặc cao hơn 150% tổng lượng hạn ngạch được phân bổ cho cơ sở đó tại bất kỳ một thời điểm nào trong giai đoạn được phân bổ hạn ngạch.<br>7. Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | a) Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính là việc mua, bán tín chỉ các-bon giữa các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và tổ chức sở hữu tín chỉ các-bon thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định này theo hình thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch các-bon theo hướng dẫn giao dịch của Sàn giao dịch các-bon;<br>b) Hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon phải bảo đảm tuân thủ quy định tại các luật khác có liên quan.<br>17. Sửa đổi Điều 20 như sau:<br>"**Điều 20. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon**<br>1. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon bao gồm:<br>a) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước;<br>b) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài;<br>c) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;<br>d) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | khác.<br>2. Lĩnh vực được thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon<br>a) Sản xuất năng lượng;<br>b) Phân phối năng lượng;<br>c) Tiêu thụ năng lượng;<br>d) Công nghiệp chế tạo;<br>đ) Công nghiệp hóa chất;<br>e) Xây dựng;<br>g) Giao thông vận tải;<br>h) Khai thác và chế biến khoáng sản;<br>i) Sản xuất kim loại;<br>k) Phát thải từ nhiên liệu (nhiên liệu rắn, dầu và khí);<br>l) Phát thải từ sản xuất và tiêu thụ Halocarbons và Sulphur hexafluoride;<br>m) Sử dụng dung môi;<br>n) Xử lý chất thải;<br>o) Trồng rừng và tái trồng rừng; giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+);<br>p) Nông nghiệp;<br>q) Lĩnh vực khác phù hợp với hướng dẫn của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và quy định của pháp luật Việt Nam.<br>3. Đối tượng tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân tại Việt Nam được phép tham gia cơ chế quy định tại khoản 1 Điều này;<br>b) Các tổ chức nước ngoài được phép tham gia cơ chế quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;<br>c) Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này tham gia thực hiện cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.<br>4. Đơn vị thẩm định theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon<br>a) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị thẩm định do cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài công bố;<br>b) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, đơn vị thẩm định do cơ quan chủ trì cơ chế quy định.<br>5. Dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon phải bảo đảm các yêu cầu về minh bạch, tránh tính trùng.<br>6. Biện pháp thực hiện giảm phát thải đối với các dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | Nghị định này.<br>7. Quy trình tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon<br>a) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, quy trình tham gia bao gồm: Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon; Đăng ký ý tưởng dự án; Đăng ký dự án; Cấp tín chỉ các-bon;<br>b) Đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này, quy trình tuân theo các quy định của cơ quan quản lý cơ chế ban hành.<br>8. Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài<br>a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Mẫu đề xuất phương pháp luận, Biểu mẫu tính phương pháp luận đề xuất, dự thảo Tài liệu thiết kế dự án dự kiến áp dụng phương pháp luận đề xuất;<br>b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;<br>c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;<br>d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế gửi thông báo tới tổ chức đề xuất để yêu cầu giải trình hoặc bổ sung thông tin cần thiết;<br>đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.<br>e) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký phương pháp pháp luận và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do.<br>g) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh phương pháp luận đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, d của khoản này. | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | 9. Đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài<br>a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án, Tài liệu đề xuất phương pháp luận dự kiến áp dụng cho dự án; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Biên bản cuộc họp tham vấn với các Bộ quản lý lĩnh vực;<br>b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;<br>c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản;<br>d) Trong thời hạn không 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký ý tưởng dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do.<br>đ) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh ý tưởng dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b của khoản này.<br>10. Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài<br>a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị đăng ký dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu thiết kế dự án kèm Kế hoạch giám sát dự án; Báo cáo thẩm định tài liệu thiết kế dự án của đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14, Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt; Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững; Phương thức liên lạc; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành;<br>b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;<br>c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký dự án và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;<br>d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế tổng hợp và gửi ý kiến cho tổ chức đề xuất;<br>đ) Tổ chức đề xuất yêu cầu đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế. Hoạt động thẩm định có thể thực hiện vào thời điểm trước, trong hoặc sau khi lấy ý kiến rộng rãi;<br>e) Sau khi có kết quả thẩm định đạt yêu cầu, tổ chức đề xuất bổ sung báo cáo thẩm định dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế kèm theo hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo quy định tại điểm a khoản này nếu có chỉnh sửa;<br>g) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;<br>h) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản;<br>i) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do.<br>k) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, đ, e, g của khoản này.<br>l) Đối với các dự án đã được đăng ký, các tổ chức tham gia dự án được phép nộp đơn đề nghị rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế;<br>m) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị;<br>n) Tổ chức tham gia dự án phải hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | hành do quyết định rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án.<br>11. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài<br>a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp tín chỉ; Báo cáo giám sát dự án; Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án; Báo cáo phát triển bền vững; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ trong trường hợp có điều chỉnh kèm giải trình đề xuất điều chỉnh tỉ lệ phân bổ tín chỉ;<br>b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo;<br>Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu.<br>c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản;<br>d) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc cấp tín chỉ các-bon và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không cấp tín chỉ các-bon thì phải nêu rõ lý do.<br>12. Quy trình chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm c khoản 1 Điều này quy định như sau:<br>a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận, chuyển đổi dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự án bao gồm: Đơn đề nghị; Tài liệu thiết kế dự án; Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành.<br>b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | đề nghị là không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;<br>c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận, chuyển đổi dự án thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ;<br>d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận, chuyển đổi dự án và thông báo cho tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được chấp thuận, chuyển đổi thì phải nêu rõ lý do.<br>13. Tổ chức tham gia thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có trách nhiệm:<br>a) Gửi thông tin dự án về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ thống đăng ký quốc gia trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo chấp thuận đăng ký của cơ quan chủ trì cơ chế;<br>b) Cung cấp thông tin tình hình thực hiện cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | hằng năm theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này qua Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình triển khai thực hiện dự án;<br>14. Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thông tin về phương pháp luận, ý tưởng dự án, tài liệu thiết kế dự án, tín chỉ các-bon của các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trên Hệ thống đăng ký quốc gia.<br>15. Ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế<br>a) Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, tổ chức được cấp tín chỉ các-bon gửi đơn đề nghị cấp Thư chấp thuận đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đơn. Trong trường hợp không được chấp thuận, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do;<br>b) Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo Thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon ký kết giữa bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bên ký kết nước ngoài, cơ quan ký kết phía Việt Nam gửi hồ sơ đề | | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | nghị cấp Thư chấp thuận đến Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện dự án; Tài liệu thiết kế dự án; Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đề xuất chuyển giao quốc tế;<br>c) Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan về hồ sơ đề nghị. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong vòng 20 ngày;<br>d) Căn cứ ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, tình hình thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia và lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, ban hành Thư chấp thuận và thông báo cho cơ quan đề nghị;<br>đ) Đối với các dự án không được cấp Thư chấp thuận, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon chỉ được sử dụng cho mục tiêu NDC của Việt Nam, không đóng góp vào mục tiêu NDC của quốc gia khác và mục tiêu giảm nhẹ quốc tế khác.<br>16. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành mẫu hồ sơ quy định tại Điều này. | | |
| ***Các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn*** | 18. Sửa đổi khoản 9 Điều 25 như sau:<br>“9. Tổ chức nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hạn ngạch được phân bổ nhưng sau đó xuất khẩu được xem xét bổ sung hạn ngạch nhập khẩu không vượt quá lượng đã xuất khẩu. Hạn ngạch | Điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định: Đối tượng phải đăng ký sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu; sản xuất, nhập khẩu, sở hữu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm | - Về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát, sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 9 Điều 25, chỉnh lý quy định tại Điều 26 về |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | nhập khẩu bổ sung được xem xét điều chỉnh, bổ sung vào hạn ngạch nhập khẩu đã cấp trong năm hoặc năm kế tiếp khi có đề nghị.” | soát; thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát (sau đây gọi chung là tổ chức sử dụng các chất được kiểm soát), bao gồm: *“b) Tổ chức có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu chất được kiểm soát;”.* | đối tượng được phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu có bao gồm các tổ chức xuất khẩu để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24. |
| | 19. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 26 như sau:<br>“1. Tổ chức có hoạt động sản xuất và nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này được xem xét phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát.<br>4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu thông báo việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát tới tổ chức đăng ký theo Mẫu số 05A và Mẫu số 05B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này, bao gồm thông tin về lượng xuất khẩu (nếu có).<br>5. Quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu là cơ sở để Bộ Tài chính kiểm soát hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu. Tổ chức nhập khẩu, xuất khẩu nộp cho cơ quan hải quan các giấy tờ sau khi thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu:” | | |
| | 20. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 28 như sau:<br>“c) Đối với trường hợp không thể tái chế, tái sử dụng thì việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.”<br>23. Bổ sung khoản 3a, khoản 5b và sửa đổi khoản | - Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường quy định: Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại<br>1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm sau đây: | - Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 28 “Đối với trường hợp không thể tái chế, tái sử dụng thì việc vận chuyển, lưu giữ, tiêu hủy thực hiện theo quy định của pháp luật |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | 4, khoản 5 Điều 28 như sau:<br>“3a. Chất được kiểm soát sau tái chế được bán, lưu hành trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:<br>a) Đáp ứng yêu cầu chất lượng của chất sau tái chế, được công bố hợp chuẩn hợp quy theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;<br>b) Đáp ứng quy định pháp luật về chất lượng hàng hóa, nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.<br>4. Kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát phải có văn bằng, chứng chỉ phù hợp.<br>5. Cá nhân sở hữu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát khi không còn sử dụng có trách nhiệm vận chuyển đến điểm thu gom được thiết lập theo quy định mà không làm thay đổi hình dạng thiết bị, sản phẩm hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu căn cứ theo trách nhiệm quy định tại Điều 54, 55 Luật Bảo vệ môi trường thực hiện việc thu gom linh kiện, bộ phận thiết bị có chứa chất được kiểm soát để tái chế, xử lý, bảo đảm không để rò rỉ ra môi trường.<br>5b. Chất được kiểm soát sau tái chế không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 22. Việc tiêu hủy các chất này khi không | a) Khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường;<br>b) Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng và không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường;<br>c) Tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý.<br>2. Việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:<br>a) Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại;<br>b) Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường;<br>c) Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường;<br>d) Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.<br>3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy | về quản lý chất thải nguy hại”. Hiện nay, việc quản lý các chất được kiểm soát và các hoạt động liên quan đến chất được kiểm soát đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 22/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Tuy nhiên, trên cơ sở thực tiễn việc vận chuyển chất được kiểm soát đến nơi xử lý áp dụng quy định về quản lý chất thải nguy hại sẽ phát sinh chi phí và vướng mắc cho tổ chức kinh doanh dịch vụ thu gom chất được kiểm soát, dẫn đến quy định khó được thực thi trong thực tế. Vì vậy, đề xuất bỏ cụm từ “vận chuyển, lưu giữ” trong quy định nêu trên, quy định về quản lý chất thải nguy hại chỉ được áp dụng đối với chất được kiểm soát cần phải xử lý để tiêu hủy. Việc vận chuyển, lưu giữ chất được kiểm soát tuân thủ quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật đối với hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | còn sử dụng tuân thủ quy định tại Nghị định này.” | định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>4. Đối tượng được phép vận chuyển chất thải nguy hại bao gồm:<br>a) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;<br>b) Cơ sở được cấp giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển.<br>5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật và biểu mẫu khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại; hướng dẫn kỹ thuật về phương tiện, thiết bị lưu chứa, vận chuyển, phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; hướng dẫn đăng ký, vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng.<br>Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường quy định về Xử lý chất thải nguy hại<br>1. Chất thải nguy hại phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp và đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.<br>2. Nhà nước khuyến khích và có chính sách ưu đãi cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư | sử dụng, tái chế và xử lý chất được kiểm soát (QCVN 76:2023/BTNMT). |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; khuyến khích việc đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại quy mô cấp vùng; khuyến khích đồng xử lý chất thải nguy hại.<br>3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:<br>a) Phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại;<br>b) Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định;<br>c) Công nghệ xử lý chất thải nguy hại phải được thẩm định, có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; khuyến khích áp dụng công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng;<br>d) Có giấy phép môi trường;<br>đ) Có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp;<br>e) Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp;<br>g) Có kế hoạch quản lý môi trường gồm nội dung kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải; an toàn lao động, vệ sinh lao động; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, tập | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | huấn định kỳ hằng năm; chương trình giám sát môi trường; đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại; phương án xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động;<br>h) Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 của Luật này trong trường hợp có hoạt động chôn lấp chất thải.<br>4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại; hướng dẫn thực hiện điểm g khoản 3 Điều này.<br>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại; không hạn chế việc thu gom chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh khác về xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.<br>- Điều 29 Luật Việc làm 2013, chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được xem là một loại chứng chỉ nhằm hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của bản thân, được công nhận cấp độ kỹ năng nghề nghiệp theo trình độ, giúp người lao động tìm công việc phù hợp hoặc công việc yêu cầu phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. | |
| | 21. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 29 như sau:<br>“b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban | - Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức | - Về trách nhiệm trong quản lý các chất được kiểm soát: sửa đổi, |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | hành, tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát; trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục, hướng dẫn sử dụng và quy định về điều kiện sản xuất, sử dụng các chất được kiểm soát, sản phẩm, hàng hóa có chứa hoặc được sản xuất từ các chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;<br>22. Sửa đổi khoản 5 Điều 29 như sau:<br>"5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường:"<br>23. Bổ sung điểm d khoản 5 Điều 29 như sau:<br>d) Tổ chức cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát." | của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng, cập nhật, tổ chức triển khai, quản lý và giám sát việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định; xây dựng các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tổ chức thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính, kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu;<br>- Điều 5 Nghị định 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc giaquy định như sau: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp đổi, bổ sung, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy chứng nhận đã cấp. | bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; bổ sung 01 điểm vào Khoản 5 Điều 29 về trách nhiệm chủ trì của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định này đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. |
| | 24. Sửa đổi Điều 33 như sau:<br>"1. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tiêu hủy các chất gây hiệu ứng nhà kính này được áp dụng cơ chế hợp tác, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.<br>2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu ứng | - Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường quy định về tín dụng xanh như sau:<br>*"1. Tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho dự án đầu tư sau đây:*<br>*a) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên;*<br>*b) Ứng phó với biến đổi khí hậu;* | - Bổ sung quy định tại Điều 33 Khuyến khích các hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đảm bảo phù hợp với quy định tại các Cam kết làm mát toàn cầu mà Việt Nam đã |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, công nghệ làm mát bền vững thân thiện với khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn, tái chế các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.<br>3. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi công nghệ nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, áp dụng giải pháp làm mát bền vững thân thiện với khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn; cung cấp dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.<br>4. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án làm mát bền vững được xác nhận để xem xét cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh theo quy định tại Điều 149, Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.<br>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp chứng nhận, xác nhận về dán nhãn thân thiện với môi trường cho các tổ chức, cá nhân thực hiện giảm phát thải khí nhà kính và áp dụng giải pháp làm mát bền vững, thân thiện với khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.” | *c) Quản lý chất thải;*<br>*d) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường;*<br>*đ) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên;*<br>*e) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;*<br>*g) Tạo ra lợi ích khác về môi trường.*<br>*2. Hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đối với dự án đầu tư phải phù hợp với quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay.*<br>*3. Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tài trợ, cho vay ưu đãi đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều này.*<br>*4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.*<br>*5. Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện và cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh.”*<br>- Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường quy định về trái phiếu xanh:<br>*“1. Trái phiếu xanh là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về* | tham gia tại Hội nghị COP28 và Điều 149, Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *môi trường.*<br>*2. Nguồn tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh phải được hạch toán, theo dõi theo quy định của pháp luật về trái phiếu và sử dụng cho dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường bao gồm:*<br>*a) Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường;*<br>*b) Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất;*<br>*c) Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-*bon*;*<br>*d) Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;*<br>*đ) Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường;*<br>*e) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo;*<br>*g) Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường;*<br>*h) Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải;*<br>*i) Thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên;*<br>*k) Dự án đầu tư khác theo quy định.*<br>*3. Chủ thể phát hành trái phiếu xanh phải* | |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | *cung cấp thông tin về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án đầu tư và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh cho nhà đầu tư.*<br>*4. Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.*<br>*5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".* | |
| | Điều 2. Điều khoản thi hành<br>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.<br>2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và triển khai chương trình đào tạo cấp chứng nhận về thu gom và xử lý các chất được kiểm soát cho kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa chất được kiểm soát cho đến khi hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề được thiết lập và vận hành ổn định. | Điều 156 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định việc áp dụng văn bản QPPL như sau:<br>"1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.<br>Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.<br>2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.<br>3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp | - Sửa đổi bổ sung quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 34, phù hợp với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. |

| NHÓM VẤN ĐỀ | DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH | QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ |
|---|---|---|---|
| | | luật ban hành sau.” | |